TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Huỳnh Văn Hoàn.
2/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông Lục Trí C, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Tôi và anh Lục Trí C quen biết nhau do mai mối, có tổ chức đám cưới vào khoảng năm 1996 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân nhân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01 ngày 01/7/2002, thời gian đầu chúng tôi sống tương đối ổn định, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh Ckhông

chăm lo cho gia đình, sống không có trách nhiệm với vợ con, chúng tôi thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ngoài ra, anh Ccòn ghen tuông kiếm chuyện chửi bới, đánh tôi. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2018 đến nay chúng tôi đã sống ly thân và không còn liên lạc với nhau nữa, hiện nay tôi đã cất nhà ở riêng và không còn tình cảm với anh Cnên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Lục Triệu H, sinh ngày 18/5/1999 và Lục Tâm N, sinh ngày 28/4/2003. Hiện 02 con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lục Trí C đã được Tòa án tống hợp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lục Trí C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà Trần Thị L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Lục Trí C và ông C, bà L có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lục Trí C có nơi cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Trần Thị L và ông Lục Trí C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01 ngày 01/7/2002 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà L trình bày mâu thuẫn giữa bà và ông C là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông C không chăm lo cho gia đình, sống không có trách nhiệm với vợ con, làm cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông C ghen tuông kiếm chuyện chửi bới, đánh bà.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà L cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông C, ông C mặc dù đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, bà L và ông C đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay ông, bà cũng không còn liên lạc với nhau, không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm để tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, điều đó chứng tỏ bà L và ông C đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông C có 02 con chung là Lục Triệu H, sinh ngày 18/5/1999 và Lục Tâm N, sinh ngày 28/4/2003. Hiện 02 con chung đã thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Bà L và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lục Trí C.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016003 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên bà L đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L và ông Lục Trí C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang